**Phụ lục số 04: Văn bản đề nghị phương án mức trợ giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản**

*(Kèm theo Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số:…../……. *V/v phương án giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản* | *….., ngày ….. tháng ….. năm 20…* |

Kính gửi:Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)/Sở Tài chính.

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số…..của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản;

Căn cứ Quyết định số……..của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản năm…..

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án giá, mức trợ giá theo đề nghị của*……(tên cơ sở hoạt động công ích)*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôncó ý kiến thẩm định như sau:

**1. Bảng tổng hợp chi phí, giá thành toàn bộ; giá tiêu thụ và mức trợ giá sản phẩm….*(tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung khoản mục chi phí** | **Đơn vị tính** | **Số quyết toán năm trước** | **Phương án đề nghị của năm đặt hàng** |
| **I** | **Chỉ tiêu nhà nước đặt hàng** |  |  |  |
| 1 | Kinh phí | đồng |  |  |
| 2 | Số lượng sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản |  |  |  |
| **II** | **Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản** |  |  |  |
| 1 | Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp |  |  |  |
| 2 | Chi phí nhân công trực tiếp |  |  |  |
| 3 | Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao) |  |  |  |
| 4 | Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp) |  |  |  |
| 5 | Chi phí tài chính (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Chi phí bán hành |  |  |  |
| 7 | Chi phí quản lý |  |  |  |
| 8 | Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có) |  |  |  |
| **III** | **Giá thành toàn bộ** |  |  |  |
| **IV** | **Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản** |  |  |  |
| **V** | **Giá tiêu thụ** |  |  |  |
| **VI** | **Mức trợ giá (V-IV)** |  |  |  |

**2. Giải trình cụ thể cách xác định các khoản chi phí**

- Các khoản chi phí trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sản xuất chung, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, phân bổ cho sản phẩm phụ.

- Các khoản chi phí phân bổ cho sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản Nhà nước đặt hàng không được cao hơn tỷ lệ bình quân trên doanh thu của các sản phẩm của tổ chức, cá nhân (sản phẩm không đặt hàng và sản phẩm công ích đặt hàng của tổ chức, cá nhân).

- Giá tiêu thụ.

- Mức trợ giá.

*Ghi chú: Trường hợp xác định đơn giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản tính thêm lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng (nếu có).*

Đề nghị Bộ Tài chính/Sở Tài chính xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** (*Ký tên, đóng dấu*) |

**Phụ lục số 04a: Văn bản đề nghị phương án mức trợ giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ sở hoạt động công ích** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số ........./ ..... | *... , ngày ... tháng ... năm ....* |
| *V/v:* *Phương án giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp,*  *thủy sản* |  |

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số…..của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản;

Căn cứ Quyết định số……..của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản năm…;

*... (tên cơ sở hoạt động công ích)* đã lập phương án giá về sản phẩm…. (*tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản*) (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thônxem xét và có ý kiến thẩm định giá sản phẩm… (*tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản*)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  **-** Như trên;  - Lưu. | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  ***(Ký, ghi rõ họ tên)*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ sở hoạt động**  **công ích** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *.........., ngày tháng năm ...* |

**PHƯƠNG ÁN GIÁ**

Tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản ........................................

Tên cơ sở hoạt động công ích .........................................................................

**I. Bảng tổng hợp chi phí, giá thành toàn bộ, giá tiêu thụ và mức trợ giá sản phẩm.......(tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản).**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung khoản mục chi phí** | **Đơn vị tính** | **Số quyết toán năm trước** | **Phương án đề nghị của năm đặt hàng** |
| **I** | **Chỉ tiêu nhà nước đặt hàng** |  |  |  |
| 1 | Kinh phí | đồng |  |  |
| 2 | Số lượng sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản |  |  |  |
| **II** | **Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản** |  |  |  |
| 1 | Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp |  |  |  |
| 2 | Chi phí nhân công trực tiếp |  |  |  |
| 3 | Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao) |  |  |  |
| 4 | Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp) |  |  |  |
| 5 | Chi phí tài chính (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Chi phí bán hành |  |  |  |
| 7 | Chi phí quản lý |  |  |  |
| 8 | Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có) |  |  |  |
| **III** | **Giá thành toàn bộ** |  |  |  |
| **IV** | **Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm** |  |  |  |
| **V** | **Giá tiêu thụ** |  |  |  |
| **VI** | **Mức trợ giá (V-IV)** |  |  |  |

**II. Giải trình cụ thể cách xác định các khoản mục chi phí**

- Các khoản chi phí trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sản xuất chung, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, phân bổ cho sản phẩm phụ.

- Các khoản chi phí phân bổ cho sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản Nhà nước đặt hàng không được cao hơn tỷ lệ bình quân trên doanh thu của các sản phẩm của tổ chức, cá nhân (sản phẩm không đặt hàng và sản phẩm công ích đặt hàng của tổ chức, cá nhân).

- Giá tiêu thụ.

- Mức trợ giá.

*Ghi chú: Trường hợp xác định đơn giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản tính thêm lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng (nếu có).*

**Phụ lục số 05: Văn bản đề nghị phương án giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản nhập khẩu**

*(Kèm theo Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số:…../……. *V/v phương án giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản* | *….., ngày ….. tháng ….. năm 20…* |

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)/Sở Tài chính

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số…..của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản;

Căn cứ Quyết định số……..của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đặt hàng nhập khẩu, nuôi tân đáo hạn sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản năm….

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án đơn giá theo đề nghị của*……(tên cơ sở hoạt động công ích),* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến thẩm định như sau:

**1. Bảng tổng hợp chi phí, giá thành toàn bộ, đơn giá sản phẩm….*(tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản nhập khẩu)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung khoản mục chi phí** | **Đơn vị tính** | **Số quyết toán năm trước** | **Phương án đề nghị của năm đặt hàng** |
| **I** | **Chỉ tiêu Nhà nước đặt hàng** |  |  |  |
| 1 | Kinh phí | đồng |  |  |
| 2 | Số lượng sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản |  |  |  |
| **II** | **Các khoản mục chi phí** |  |  |  |
| 1 | Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF) |  |  |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |  |  |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) |  |  |  |
| 4 | Các khoản thuế, phí khác (nếu có) |  |  |  |
| 5 | Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Chi phí chung |  |  |  |
|  | Chi phí tài chính (nếu có) |  |  |  |
|  | Chi phí bán hàng |  |  |  |
|  | Chi phí quản lý |  |  |  |
| **III** | **Tổng chi phí** |  |  |  |
| **IV** | **Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm** |  |  |  |
| **V** | **Thuế VAT** |  |  |  |
| **VI** | **Giá bán đã bao gồm thuế VAT** |  |  |  |

**2. Giải trình cụ thể cách xác định các khoản chi phí**

- Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam, các khoản thuế, phí.

- Các khoản chi phí bằng tiền khác, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

*Ghi chú: Trường hợp xác định đơn giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản tính thêm lợi nhuận dự kiến (nếu có).*

Đề nghị Bộ Tài chính/Sở Tài chính xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** (*Ký tên, đóng dấu*) |

**Phụ lục số 05a: Văn bản đề nghị phương án giá sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản nhập khẩu**

*(Kèm theo Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Tên cơ sở hoạt động công ích** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số ........./ ..... | *... , ngày ... tháng ... năm ....* |
| *V/v: Phương án giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản* |  |

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số…..của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản;

Căn cứ Quyết định số……..của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đặt hàng nhập khẩu sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản năm…;

*... (tên cơ sở hoạt động công ích)* đã lập phương án giá về sản phẩm…. (*tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản nhập khẩu*) (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thônxem xét và có ý kiến thẩm định giá… (*tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản nhập khẩu*)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  **-** Như trên;  - Lưu. | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  ***(Ký, ghi rõ họ tên)*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ sở hoạt động**  **công ích** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *.........., ngày tháng năm 20...* |

**PHƯƠNG ÁN GIÁ**

Tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản .......................................

Tên cơ sở hoạt động công ích ........................................................................

**I. Bảng tính chi phí, giá thành toàn bộ và đơn giá sản phẩm.....(*tên sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản nhập khẩu)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung khoản mục chi phí** | **Đơn vị tính** | **Số quyết toán năm trước** | **Phương án đề nghị của năm đặt hàng** |
| **I** | **Chỉ tiêu Nhà nước đặt hàng** |  |  |  |
| 1 | Kinh phí | đồng |  |  |
| 2 | Số lượng sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản |  |  |  |
| **II** | **Các khoản mục chi phí** |  |  |  |
| 1 | Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF) |  |  |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu |  |  |  |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) |  |  |  |
| 4 | Các khoản thuế, phí khác (nếu có) |  |  |  |
| 5 | Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Chi phí chung |  |  |  |
|  | Chi phí tài chính (nếu có) |  |  |  |
|  | Chi phí bán hàng |  |  |  |
|  | Chi phí quản lý |  |  |  |
| **III** | **Tổng chi phí** |  |  |  |
| **IV** | **Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm** |  |  |  |
| **V** | **Thuế VAT** |  |  |  |
| **VI** | **Giá bán đã bao gồm thuế VAT** |  |  |  |

**II. Giải trình cụ thể cách xác định các khoản mục chi phí**

- Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam, các khoản thuế, phí.

- Các khoản chi phí bằng tiền khác, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

*Ghi chú: Trường hợp xác định đơn giá sản phẩm giống nông nghiệp, thủy sản tính thêm lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng (nếu có).*

**Phụ lục số 06**

*(Kèm theo Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính)*

**PHIẾU KHẢO SÁT GIÁ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Địa bàn khảo sát: Thị trấn (xã)…....Quận (huyện)……..Thành phố (Tỉnh) …..… | | | | | |
| Tên, Địa chỉ cơ sở bán hàng:…………..............…………………………………. | | | | | |
| **STT** | **Tên sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản** | **Đặc điểm và các thông số kinh tế - kỹ thuật chủ yếu** | **Đơn vị tính giá** | **Giá khảo sát** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  | …., Ngày …. Tháng …. Năm…… | | | |
|  |  | **Người khảo sát** | | | |
|  |  | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | | | |